

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-ST

Ngày: 26-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Long Ty

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Đinh Quang Minh;

2/ Ông Bùi Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm C1 khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tấn T (tên gọi khác: P), sinh năm 1996; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Thái Đ, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; vợ, con: không; tiền án: 02 tiền án; cụ thể: Bản án số: 243/2014/HSST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 09 (chín) tháng tù về tội “cố ý gây thương tích” chưa được xóa án tích; bản án số: 33/2016/HSST ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân D, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm

giữ ngày 15/3/2020 đến ngày 24/3/2020 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Doanh nghiệp tư nhân Q; địa chỉ: Ấp R, xã I, huyện D, tỉnh Bình Dương. Do ông Huỳnh Kim N, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Ấp H1, xã I, huyện D, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo pháp luật. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 13/3/2020, Nguyễn Anh T1, sinh năm: 2002; cư trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương điện thoại cho Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Bình Phước đến nhà bà ngoại của T1 tên Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1959; cư trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương để uống bia thì T đồng ý. Khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, T đến nhà bà Y. Tại đây có T1, T, Trần J, sinh năm: 2002; cư trú tại ấp J, xã F, huyện D, tỉnh Bình Dương và C1 (bạn của T1) cùng uống bia tại thềm trước nhà của bà Y. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày T đi vệ sinh. Khi T đi ngang qua phòng ngủ của bà Y, T quan sát thấy phòng khóa cửa, biết bà Y không có nhà nên T nảy sinh ý định đột nhập vào phòng ngủ của bà Y để tìm T sản trộm bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, lợi dụng lúc T1, J và C1 đã say, T nói với T1 là đi vệ sinh rồi T đi vào trong nhà lấy ghế gỗ cao khoảng 1,5 mét ở góc phòng khách, đứng lên ghế leo qua khe hở giữa tường và trần nhà để vào phòng ngủ của bà Y. Khi vào phòng, T nhìn thấy tủ nhựa, màu hồng kích thước: (160x59x70) cm, tủ có 5 ngăn kéo, T mở ngăn kéo đầu tiên bên trái, từ trên xuống thì phát hiện một thiệp cưới màu đỏ bên trong có số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), ngăn kéo đầu tiên bên phải từ trên xuống có chiếc hộp hình cầu màu đỏ bên trong có chiếc nhẫn bằng vàng 18K có khắc H vẫn có mặt đá hình bầu dục, trọng lượng 06 phân 07 ly, T lấy 200.000 đồng và chiếc nhẫn rồi đứng lên mặt tủ leo qua tường ra ngoài tiếp tục ngồi uống bia. Sau khi lấy được tài sản trên, T sử dụng số tiền 200.000 đồng để mua 01 thùng bia Sài Gòn đỏ và bánh về tiếp tục uống. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì cả nhóm không uống bia nữa, cả nhóm rủ nhau đến phòng trọ của C1 tại L, xã M, thị xã O, tỉnh Bình Dương chơi, T1 chở C1 đi trước, Trần J điều khiển xe mô tô biển số: 61H1-457.02 chở T đi theo sau, trên đường đi đến Chợ B1, thuộc ấp R xã I, huyện D, tỉnh Bình Dương thì T nói với J dừng xe lại để mua đồ. J dừng xe lại T đi bộ vào tiệm vàng Q tại ấp Chợ, xã I, huyện D, tỉnh Bình Dương do ông Huỳnh Kim N, sinh năm: 1971; cư trú: Ấp H1, xã I, huyện D, tỉnh Bình Dương

làm chủ bán nhẫn đã lấy trộm cho ông N được số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). J đợi T lâu nên đi tìm thì thấy T đang đi từ tiệm Vàng Q ra thì J hỏi: “Mày làm gì ở đây vậy”, T trả lời: “Tao bán cái nhẫn của tao”, J hỏi tiếp: “Sao không để đeo mà bán làm gì”, T trả lời: “Bán lấy tiền tiêu chứ kẹt tiền quá”. Lúc này, T lấy 100.000 đồng trong số tiền bán nhẫn đưa cho J để đổ xăng xe mô tô. Sau đó J tiếp tục chở T đi đến ngã ba L, xã Đ1, thị xã O, tỉnh Bình Dương. Trên đường đi, T điện thoại cho T1 thì T1 nói không thấy T với J đâu nên đi về nhà rồi thì T nói J chở về nhà, T sử dụng tiêu xài hết số tiền bán vàng trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 18/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện D kết luận: 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K có khắc H văn trọng lượng 06 phân 07 ly có giá trị là 1.876.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng); Mặt đá hình bầu dục màu xanh có giá trị là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) và 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền mặt. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Tấn T đã trộm của bà Nguyễn Thị Y là 2.176.000 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Đối với hành vi của ông Huỳnh Kim N mua 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K có khắc H văn trọng lượng 06 phân 07 ly có mặt đá hình bầu dục màu xanh của bị cáo T. Quá trình điều tra nhận thấy, ông N không biết chiếc nhẫn trên là do bị cáo T trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K có khắc H văn trọng lượng 06 phân 07 có mặt đá hình bầu dục màu xanh. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Y. Ngày 21/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã giao T sản trên cho bà Nguyễn Thị Y theo Quyết định xử lý vật chứng số: 16/QĐXLVC ngày 13/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố bị hại bà Nguyễn Thị Y yêu cầu bị cáo T bồi thường 200.000 đồng. Ngoài ra, bà Y còn khai nhận ngoài việc mất trộm chiếc nhẫn và 200.000 đồng nêu trên, bà còn mất trộm 01 (một) sợi dây chuyền vàng 24K có mặt hình tròn (trọng lượng 02 chỉ 05 phân) bà Y để chung hộp đựng trang sức với chiếc nhẫn và 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng) để trong ngăn kéo tủ quần áo nên bà Y yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị thiệt hại đối với số vàng và tiền đã mất. Tuy nhiên, theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 12/8/2020 của bị hại bà Nguyễn Thị Y thể hiện bà Y không yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 200.000 đồng và không yêu cầu Tòa án xem xét việc bà Y còn mất trộm 01 (một) sợi dây chuyền vàng 24K có mặt hình tròn (trọng lượng 02 chỉ 05 phân) và tiền mặt 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với yêu cầu của ông Huỳnh Kim N đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 1.750.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền trên nên ghi nhận.

Tại bản Cáo trạng số: 49/CT-VKSDT-HS ngày 09/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh tụng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

\* Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đại diện hợp pháp của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Huỳnh Kim N yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 1.750.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng ý bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và tại phiên tòa, bị cáo không có Y kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 13/3/2020, bị cáo T dùng ghế gỗ leo qua khe hở giữa tường và trần nhà để vào phòng ngủ của bị hại bà Y tìm tài sản để trộm. Bị cáo T đã lấy trộm được 200.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K có

khắc H vẫn có mặt đá hình bầu dục, trọng lượng 06 phân 07 ly. Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 18/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện D kết luận: 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K có khắc hoa văn trọng lượng 06 phân 07 ly có giá trị là 1.876.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng); Mặt đá hình bầu dục màu xanh có giá trị là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) và 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền mặt. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Tấn T đã trộm của bà Nguyễn Thị Y là 2.176.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 49/CT-VKSDT-HS ngày 09/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố Y thực hiện, thể hiện bản chất xem thường pháp luật. Bị cáo T đã có 02 tiền án về “tội trộm cắp tài sản” và “tội cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản của người khác là tiền và vàng để tiêu xài nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo. Bị cáo đã trộm được tiền và vàng có giá trị tổng cộng 2.176.000 đồng của bị hại bà Y nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác trên địa bàn huyện G, tỉnh Bình Dương nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung nên cần xử lý bị cáo T mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị hại bà Y có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Do đó, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T để bị cáo T thấy được sự khoan hồng của pháp luật tạo điều kiện để bị cáo T cải tạo, giáo dục thành người công dân tốt.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và điều luật đề nghị áp dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại bà Y không yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2020 và được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 15/3/2020 đến ngày 24/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46; Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 361; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Doanh nghiệp tư nhân Q số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Doanh nghiệp tư nhân Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Tấn T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bị cáo Nguyễn Tấn T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7 a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### 3. Về án phí:

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 26/8/2020).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- C1 an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. D;
- PV 27-C1 an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Long Ty**